

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Tím

Ông Ngô Văn Chiến

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** không có.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Minh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Bà Thạch Thị Ngọc B, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Phan Minh T trình bày: Vào năm 2012, do quen biết nên ông và bà Thạch Thị Ngọc B tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện G, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên cha mẹ ruột tại ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm

được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà B đã bỏ đi mà không cho ông hay biết, ông có điện thoại nhưng không liên lạc được và vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, từ lúc ly thân không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Thạch Thị Ngọc B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/12/2021 bị đơn bà Thạch Thị Ngọc B trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của ông T về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, vợ chồng không con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông T yêu cầu được ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự: Nguyên đơn ông Phan Minh T và bị đơn bà Thạch Thị Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà B theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Phan Minh T và bà Thạch Thị Ngọc B xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông T và bà B là hợp pháp. Sau kết hôn, ông T và bà B chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho bà B biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên bà B không đến Tòa án tham gia tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà B đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ năm 2014 đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà B.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông T phải án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh T về việc yêu cầu ly hôn đối với bà Thạch Thị Ngọc B.

Cho ông Phan Minh T được ly hôn với bà Thạch Thị Ngọc B.

**2.** Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

**3.** Về án phí: Ông Phan Minh T phải ông chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007597 ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn bà Thạch Thị Ngọc B không phải chịu án phí.

**4.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Minh T, bị đơn Bà Thạch Thị Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo T hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã T1, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Phúc**